

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100431180 ngày 28/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/07/2023. Tại lần điều chỉnh này, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1034/QĐ-SGDHN ngày 27/12/2017 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán là BTN.

Vốn điều lệ: 44.655.700.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2023: 44.655.700.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Điện thoại : 02563.832809; 02563.832176; 02563.832121; 02563.832254
- Fax : 02563.832809
- Email : pkt@tuynenbinhdinh.com.vn

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch bằng lò tuy nén, sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp và vật liệu công nghệ mới;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật tư, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất gạch không nung.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mậu Hoàng	Chủ tịch	01/02/2024	
	Phó chủ tịch	08/07/2023	01/02/2024
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch	08/08/2022	09/07/2023
	Thành viên	09/07/2023	
Ông Mai Thế Dũng	Chủ tịch	08/08/2022	01/02/2024
	Thành viên	01/02/2024	
Ông Ngô Quốc Vương	Thành viên	26/03/2021	
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	08/07/2023	
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên	08/08/2022	08/07/2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Vi	Thành viên	08/08/2022	08/07/2023

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Chu Quý Dương	Trưởng ban	08/07/2023	
Ông Lê Ngọc Sơn	Trưởng ban	25/03/2021	08/07/2023
Ông Ngô Văn Quang	Thành viên	07/08/2022	
Bà Đinh Thị Hà	Thành viên	08/07/2023	
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên	26/03/2021	08/07/2023

4.3 Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Mạnh Hùng	Giám đốc	26/03/2021	
Bà Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng	05/07/2021	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Mạnh Hùng, Giám đốc Công ty (bổ nhiệm lại ngày 26 tháng 03 năm 2021).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 33.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

312
CHI
TÍNH
TOÁN
ƯA
TÀ
Ả
N
U-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

9. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Ông Nguyễn Mậu Hoàng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Ông Trần Mạnh Hùng – Thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 73/2024/UQ-HĐQT ngày 27/03/2024. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



TRẦN MẠNH HÙNG

Bình Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

3175
NHÀ
TY 1
/VA 1
VVJ
V
KNG
P. ĐP



Số: 25/2024/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số VIII.4 của Báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là (28.073.011.420) đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 24.470.481.572 đồng. Ngoài ra, Công ty đang có tranh chấp với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về hợp đồng vay tài sản (chi tiết xem thuyết minh VIII.5). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, các cô đồng cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực thanh toán các khoản nợ đến hạn và phục hồi sản xuất. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Trần Xuân Thạnh - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 1650-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.243.508.818	13.324.748.676
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	151.961.197	804.261.931
111	1. Tiền		151.961.197	804.261.931
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.988.746.466	3.058.675.819
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	4.306.082.632	3.050.695.819
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	708.637.475	7.480.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		2.900.000	500.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(28.873.641)	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	3.195.141.495	7.165.364.380
141	1. Hàng tồn kho		3.330.515.792	7.194.369.977
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(135.374.297)	(29.005.597)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.907.659.660	2.296.446.546
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	75.119.044	79.125.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.832.540.616	2.217.321.546
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		54.434.049.146	58.486.353.905
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		54.049.008.374	58.091.921.895
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	54.049.008.374	58.091.921.895
222	- Nguyên giá		92.503.439.339	94.035.181.839
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.454.430.965)	(35.943.259.944)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		385.040.772	394.432.010
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	385.040.772	394.432.010
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		64.677.557.964	71.811.102.581

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		41.706.806.131	40.730.570.447
310	I. Nợ ngắn hạn		34.713.990.390	40.730.570.447
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.8	3.315.710.989	5.855.685.906
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.9	37.426.253	47.601
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	349.028.018	485.677.239
314	4. Phải trả người lao động		-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.11	3.956.732.645	2.575.898.780
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.12a	819.711.217	640.232.017
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13a	25.139.547.199	29.932.198.661
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	1.095.834.069	1.240.830.243
330	II. Nợ dài hạn		6.992.815.741	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.12b	350.950.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13b	6.641.865.741	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		22.970.751.833	31.080.532.134
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	22.970.751.833	31.080.532.134
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.655.700.000	44.655.700.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.655.700.000	44.655.700.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
415	2. Cổ phiếu quỹ		(688.080.000)	(688.080.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.076.143.253	7.076.143.253
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(28.073.011.420)	(19.963.231.119)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(19.963.231.119)	(13.066.663.079)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(8.109.780.301)	(6.896.568.040)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		64.677.557.964	71.811.102.581

Bình Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Bích Vân

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Kế toán trưởng

Lê Thảo Phương

LÊ THẢO PHƯƠNG

Giám Đốc



Trần Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	46.788.919.472	13.574.426.142
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.788.919.472	13.574.426.142
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	44.369.620.078	12.630.850.975
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.419.299.394	943.575.167
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	317.813	1.117.903
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.823.483.923	2.571.113.241
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.823.483.923	2.571.113.241
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.652.843.744	1.085.033.776
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	2.161.408.120	2.390.466.441
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.218.118.580)	(5.101.920.388)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	34.971.434	1.794.746.836
32	12. Chi phí khác	VI.8	1.926.633.155	3.589.394.488
40	13. Lợi nhuận khác		(1.891.661.721)	(1.794.647.652)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(8.109.780.301)	(6.896.568.040)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.109.780.301)	(6.896.568.040)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(1.844)	(1.569)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	(1.844)	(1.569)

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

LÊ THẢO PHƯƠNG



TRẦN MẠNH HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		46.042.063.128	12.532.537.683
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(42.199.632.118)	(11.219.235.614)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.440.088.211)	(2.287.850.925)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(2.808.123.149)	(941.956.910)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	VI.4	-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.10	1.014.695.922	435.302.354
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.115.586.034)	(638.466.637)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.506.670.462)	(2.119.670.049)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.701.669.500
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	317.813	1.117.903
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		317.813	1.702.787.403
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	13.931.835.538	3.285.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(12.082.621.259)	(2.674.908.534)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.849.214.279	610.091.466
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(657.138.770)	193.208.820
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		804.261.931	611.053.111
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	147.123.561	804.261.931

Người lập biểu

Trần Thị Bích Vân

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Kế toán trưởng

Lê Thảo Phương

LÊ THẢO PHƯƠNG

Bình Định ngày 29 tháng 03 năm 2024

Giám Đốc



TRẦN MẠNH HÙNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100431180 ngày 28/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/07/2023. Tại lần điều chỉnh này, Công ty đã thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1034/QĐ-SGDHN ngày 27/12/2017 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BTN.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch bằng lò tuy nén, sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp và vật liệu công nghệ mới;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật tư, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất gạch không nung.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, Công ty phát triển việc hoạt động buôn bán hàng hóa nông sản nên doanh thu hoạt động tăng 251% so với năm trước. Tuy nhiên lãi gộp của hoạt động này rất thấp nên hiệu quả hoạt động không tăng tương ứng với doanh thu.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 20 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2023 là 17 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các chi phí trả trước khác

Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	8

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán thành phẩm gạch các loại và bán hàng hóa nông sản

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

28
HI
IG
DÁN
[A]
T
V N
1-3

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

01
NH
TUY
TƯ
TẾ
AN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	16.194.008	14.282.000
Tiền gửi ngân hàng	135.767.189	789.979.931
Cộng	<u>151.961.197</u>	<u>804.261.931</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	4.306.082.632	3.050.695.819
- Công ty TNHH Hoàng Phú Thái	487.203.444	1.007.198.388
- Công ty TNHH SX TM Gạch bê Tông Nhẹ Bình Định	1.829.503.863	967.076.863
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp An Phú Hưng	462.528.000	-
- Các đối tượng khác	1.526.847.325	1.076.420.568
Cộng	<u>4.306.082.632</u>	<u>3.050.695.819</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	708.637.475	7.480.000
- Công ty CP Xây Dựng Và TM Đất Việt	663.000.000	-
- Các đối tượng khác	45.637.475	7.480.000
Cộng	<u>708.637.475</u>	<u>7.480.000</u>

4. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	28.873.641	-
Số cuối năm	<u>28.873.641</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	28.873.641	-
Tăng khác	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	28.873.641	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	170.865.597	-	315.143.802	-
Công cụ, dụng cụ	26.960.267	-	89.985.695	-
Thành phẩm	2.826.974.406	(135.374.297)	2.886.422.672	(29.005.597)
Hàng hóa	305.715.522	-	3.902.817.808	-
Cộng	3.330.515.792	(135.374.297)	7.194.369.977	(29.005.597)

6. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	67.500.000	42.000.000
Chi phí bảo hiểm, tiền bảo dưỡng	-	37.125.000
Chi phí trả trước khác	7.619.044	-
Cộng	75.119.044	79.125.000

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	79.125.000	165.992.283
Tăng trong năm	445.382.804	815.744.797
Phân bổ trong năm	(449.388.760)	(902.612.080)
Số dư cuối năm	75.119.044	79.125.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất	385.040.772	394.432.010
Cộng	<u>385.040.772</u>	<u>394.432.010</u>

Chi phí thuê đất làm nhà xưởng Công ty theo thông báo số 98/TB-CCT ngày 07/02/18 của Chi cục thuế huyện Tuy Phước, thời gian thuê đất là 47 năm.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	394.432.010	403.823.248
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	(9.391.238)	(9.391.238)
Số dư cuối năm	<u>385.040.772</u>	<u>394.432.010</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	31.585.333.260	61.984.845.829	465.002.750	94.035.181.839
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.531.742.500)	-	(1.531.742.500)
Số cuối năm	<u>31.585.333.260</u>	<u>60.453.103.329</u>	<u>465.002.750</u>	<u>92.503.439.339</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	18.991.760.515	16.679.953.572	271.545.857	35.943.259.944
Khấu hao trong năm	925.117.401	3.073.152.220	44.643.900	4.042.913.521
T/ly, nhượng bán	-	(1.531.742.500)	-	(1.531.742.500)
Số cuối năm	<u>19.916.877.916</u>	<u>18.221.363.292</u>	<u>316.189.757</u>	<u>38.454.430.965</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	12.593.572.745	45.304.892.257	193.456.893	58.091.921.895
Số cuối năm	<u>11.668.455.344</u>	<u>42.231.740.037</u>	<u>148.812.993</u>	<u>54.049.008.374</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 51.111.418.638 đồng. Bao gồm nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất gạch nhẹ aac, xem thuyết minh số V.13.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.568.794.010 đồng.
- Công ty không có TSCĐ chờ thanh lý tại ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	3.315.710.989	5.855.685.906
- Công ty TNHH Tư Vấn Và Đầu Tư I.F.D Group	447.373.016	-
- Công ty CP Bicem	348.099.292	398.099.292
- Công ty TNHH Gạch Vân Canh	347.017.153	620.984.040
- Công ty TNHH Phát Nguyễn Hoàng	-	3.613.742.100
- Các đối tượng phải trả khác	2.173.221.528	1.222.860.474
Cộng	<u>3.315.710.989</u>	<u>5.855.685.906</u>

Trong đó, nợ quá hạn tại ngày 31/12/2023 là 130.400.000 đồng.

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	37.426.253	47.601
- Công ty TNHH Vmodule	37.426.253	-
- Các đối tượng khác	-	47.601
Cộng	<u>37.426.253</u>	<u>47.601</u>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-			-
Thuế thu nhập cá nhân	96.363	9.025.042	-	9.121.405
Tiền thuê đất	485.580.876	339.906.613	485.580.876	339.906.613
Các loại thuế khác	-	16.801.185	16.801.185	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>485.677.239</u>	<u>368.732.840</u>	<u>505.382.061</u>	<u>349.028.018</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với gạch các loại thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Từ tháng 07/2023 đến tháng 12/2023, thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với gạch các loại được giảm từ 10% xuống còn 8% theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ, quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh gạch không nung, gạch nhẹ aac:
 - Công ty được ưu đãi thuế suất thuế TNDN là 20% trong thời hạn 10 năm (từ 01/01/2016 áp dụng thuế suất là 17%).

3128
 CHI
 NG
 TOÁN
 ỦY
 T
 AN
 T
 U-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Miễn 2 năm và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có Thu nhập chịu thuế.

Những ưu đãi trên đây được quy định tại khoản 4, điều 19 và khoản 3, điều 20 Thông tư số 78/TT-BTC ngày 18/06/2014.

- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.109.780.301)	(6.896.568.040)
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh gạch không nung và gạch nhẹ AAC	(950.793.320)	(4.767.886.280)
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác	(7.158.986.981)	(2.128.681.760)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	5.260.265.035	2.175.898.386
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.260.265.035	2.175.898.386
+ Chi phí lãi vay không được trừ	3.333.631.920	2.031.744.002
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	158.054.400	135.473.667
+ Khấu hao nhà máy gạch AAC tạm ngừng sản xuất	1.722.620.052	-
+ Chi phí không hợp lý hợp lệ khác	45.958.663	8.680.717
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(2.849.515.266)	(4.720.669.654)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay dự trả	3.388.838.843	2.453.214.069
Trích trước chi phí thuê xe	458.291.029	122.684.711
Chi phí phải trả khác	109.602.773	-
Cộng	3.956.732.645	2.575.898.780

12. Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng và cá nhân khác	819.711.217	640.232.017
- Tiền thù lao HĐQT, BKS phải trả	592.197.471	359.954.272
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	132.500.000
- Tiền lãi vay phải trả	90.592.000	10.856.000
- Phải trả khác	136.921.746	136.921.745
Cộng	819.711.217	640.232.017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	350.950.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	350.950.000	-
Cộng	350.950.000	-

13. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	392.000.000	392.000.000	393.000.000	393.000.000
- Bà Lê Thảo Phương	-	-	393.000.000	393.000.000
- Ông Mai Thế Dũng	392.000.000	392.000.000	-	-
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	24.747.547.199	24.747.547.199	29.539.198.661	29.539.198.661
Vay ngắn hạn ngân hàng	15.638.376.911	15.638.376.911	5.738.376.911	5.738.376.911
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phú Tài (i)	5.638.376.911	5.638.376.911	5.738.376.911	5.738.376.911
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN Bình Định (ii)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn các đối tượng khác (iv)	2.798.000.000	2.798.000.000	1.950.000.000	1.950.000.000
- Bà Trần Thị Bích Vân	1.529.000.000	1.529.000.000	500.000.000	500.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hà	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Ông Lâm Quang Thiện	139.000.000	139.000.000	100.000.000	100.000.000
- Bà Đặng Thị Như Hà	180.000.000	180.000.000	200.000.000	200.000.000
- Ông Lê Văn Hòa	350.000.000	350.000.000	700.000.000	700.000.000
- Công ty TNHH Techable	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	50.000.000	50.000.000	-	-
- Bà Nguyễn Thị Thắm	100.000.000	100.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	6.311.170.288	6.311.170.288	21.850.821.750	21.850.821.750
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Phú Tài (iii)	453.076.029	453.076.029	553.076.029	553.076.029
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN Bình Định	5.858.094.259	5.858.094.259	21.297.745.721	21.297.745.721
Cộng	25.139.547.199	25.139.547.199	29.932.198.661	29.932.198.661

- (i) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 2458/2020/HĐHM ngày 20/08/2020: Hạn mức cho vay tối đa là 8.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 11 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân vốn. Tại ngày 31/12/2023, toàn bộ số dư nợ vay này đã quá hạn thanh toán và chịu lãi suất quá hạn là 11,7%/năm.
- (ii) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Bình Định theo Hợp đồng cho vay số BHD/23001 ngày 13/01/2023: Hạn mức cho vay tối đa là 10.000.000.000 đồng, thời

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân vốn. Tại ngày 31/12/2023, toàn bộ số dư nợ vay này đã quá hạn thanh toán và chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài theo hợp đồng tín dụng Số 01/2014/309602/HĐTD ngày 27 tháng 11 năm 2014. Tổng số tiền vay là 21.000.000.000 đồng; mục đích vay: Dự án đầu tư nhà máy gạch không nung – bê tông nhẹ, gạch polyme khoáng tổng hợp; thời hạn vay là 81 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; thời gian ân hạn là 12 tháng; lãi suất vay được xác định tại thời điểm rút vốn đầu tiên là 7,5%/năm và được điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng một lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp: toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất gạch không nung hình thành từ vốn vay, xem thuyết minh số V.7. Tại ngày 31/12/2023, toàn bộ số dư nợ vay này đã quá hạn thanh toán.

(iv) Vay ngắn hạn một số cá nhân theo từng hợp đồng vay riêng lẻ. Các hợp đồng vay này có kỳ hạn không quá 12 tháng, lãi suất được xác định trên từng hợp đồng vay vốn.

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	6.641.865.741	6.641.865.741	-	-
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vương - CN Bình Định	6.641.865.741	6.641.865.741	-	-
Cộng	6.641.865.741	6.641.865.741	-	-

➤ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương - Chi nhánh Bình Định theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng vay số SME/BDH/18/0029/HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2018; phụ lục hợp đồng cho vay số SME/BDH/18/0029/PLHĐTD ngày 22 tháng 11 năm 2018. Tổng số tiền cho vay là 25.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn để thanh toán hoặc hoàn vốn tiền đầu tư xây dựng công trình và mua sắm máy móc thiết bị cho dự án Công trình nhà xưởng sản xuất gạch không nung - bê tông nhẹ; gạch polyme khoáng tổng hợp; thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất cho vay quy định cụ thể trong các kế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.049.932.920	-	144.996.174	904.936.746
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	190.897.323	-	-	190.897.323
Cộng	1.240.830.243	-	144.996.174	1.095.834.069

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số tại 01/01/2022	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(13.066.663.079)	37.977.100.174
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(6.896.568.040)	(6.896.568.040)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(19.963.231.119)	31.080.532.134
Số dư tại 01/01/2023	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(19.963.231.119)	31.080.532.134
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(8.109.780.301)	(8.109.780.301)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(28.073.011.420)	22.970.751.833

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Vốn góp	Tỷ lệ	Vốn góp
Ông Mai Thế Dũng	7,03%	3.141.000.000	5,24%	2.340.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	0,04%	19.000.000	4,85%	2.166.000.000
Ông Phạm Công Nhựt	4,80%	2.145.000.000	4,80%	2.145.000.000
Bà Trịnh Thị Tâm	4,71%	2.103.000.000	4,71%	2.103.000.000
Ông Võ Đình Hiếu	4,88%	2.180.000.000	4,88%	2.180.000.000
Cổ phiếu quỹ	1,54%	688.080.000	1,54%	688.080.000
Các cổ đông khác	76,99%	34.379.620.000	73,97%	33.033.620.000
Cộng	100,00%	44.655.700.000	100,00%	44.655.700.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	44.655.700.000	44.655.700.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	44.655.700.000	44.655.700.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.465.570	4.465.570
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.465.570	4.465.570
- Cổ phiếu thường	4.465.570	4.465.570
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	68.808	68.808
- Cổ phiếu thường	68.808	68.808
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.396.762	4.396.762
- Cổ phiếu thường	4.396.762	4.396.762
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(19.963.231.119)	(13.066.663.079)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	(8.109.780.301)	(6.896.568.040)
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>(28.073.011.420)</u>	<u>(19.963.231.119)</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.788.919.472	13.574.426.142
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch không nung	7.363.225.799	4.141.634.417
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch nung	-	2.839.762.090
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch nhẹ AAC, tấm panel	1.305.540.468	704.205.238
+ Doanh thu bán hàng hóa nông sản	31.812.435.130	4.497.335.080
+ Doanh thu bán hàng hóa gạch các loại	5.440.386.074	-
+ Doanh thu dịch vụ vận chuyển và cho thuê nhà xưởng	867.332.001	1.391.489.317
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	<u>46.788.919.472</u>	<u>13.574.426.142</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm gạch không nung	4.742.973.759	3.700.580.127
Giá vốn thành phẩm gạch nung	-	2.700.394.397
Giá vốn thành phẩm gạch nhẹ AAC	3.169.928.889	254.608.782
Giá vốn bán nông sản	31.704.580.865	4.486.257.900
Giá vốn bán hàng hóa gạch các loại	4.539.089.387	-
Giá vốn dịch vụ vận chuyển và cho thuê nhà xưởng	106.678.478	884.541.344
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	106.368.700	9.393.308
Nguyên vật liệu hư hỏng do thiên tai	-	595.075.117
Cộng	<u><u>44.369.620.078</u></u>	<u><u>12.630.850.975</u></u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	317.813	1.117.903
Cộng	<u><u>317.813</u></u>	<u><u>1.117.903</u></u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.823.483.923	2.571.113.241
Cộng	<u><u>3.823.483.923</u></u>	<u><u>2.571.113.241</u></u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	213.004.779	209.957.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	921.895.808	454.907.674
Chi phí khác bằng tiền	1.517.943.157	420.168.478
Cộng	<u><u>2.652.843.744</u></u>	<u><u>1.085.033.776</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu quản lý		700.000
Chi phí nhân viên quản lý	1.247.070.893	1.164.878.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	9.490.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.574.209	813.802.902
Chi phí bằng tiền khác	118.889.377	401.594.567
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	28.873.641	-
Cộng	<u>2.161.408.120</u>	<u>2.390.466.441</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ	34.967.200	6.842
Thu thanh lý tài sản cố định	-	1.778.789.994
Các khoản thu nhập khác	4.234	15.950.000
Cộng	<u>34.971.434</u>	<u>1.794.746.836</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao nhà máy gạch AAC tạm ngừng sản xuất	1.722.620.052	3.445.240.104
Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	158.054.400	135.473.667
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	45.958.663	8.680.717
Xử lý công nợ	40	-
Cộng	<u>1.926.633.155</u>	<u>3.589.394.488</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.109.780.301)	(6.896.568.040)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(8.109.780.301)	(6.896.568.040)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	4.396.762	4.396.762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>(1.844)</u>	<u>(1.569)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.465.570	4.465.570
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(68.808)	(68.808)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.396.762	4.396.762

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.109.780.301)	(6.896.568.040)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(8.109.780.301)	(6.896.568.040)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.396.762	4.396.762
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.844)	(1.569)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.714.201.786	4.250.093.770
Chi phí nhân công	2.780.376.159	1.961.740.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.320.293.469	880.856.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.031.087.163	1.448.415.610
Chi phí khác bằng tiền	1.792.874.028	829.679.711
Cộng	12.638.832.605	9.370.785.859

281
H N
G T
AN
AI
TA
AN
U

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VND)****1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	13.931.835.538	3.285.000.000
Cộng	<u><u>13.931.835.538</u></u>	<u><u>3.285.000.000</u></u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc đã vay theo kế ước thông thường	12.082.621.259	2.674.908.534
Cộng	<u><u>12.082.621.259</u></u>	<u><u>2.674.908.534</u></u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

75-
HÁ
FYT
VÀ
V V
VI
ÁN
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của Thành viên quản lý chủ chốt*

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2023			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Mai Thế Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	38.707.200	-	38.707.200
2	Nguyễn Mậu Hoàng	P. Chủ tịch HĐQT	-	13.440.000	-	13.440.000
3	Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	318.140.000	29.568.000	-	347.708.000
4	Ngô Quốc Vương	Thành viên HĐQT	-	25.804.800	-	25.804.800
5	Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên HĐQT	-	15.052.800	-	15.052.800
6	Nguyễn Thị Thanh Vi	Thành viên HĐQT	-	15.052.800	-	15.052.800
7	Nguyễn Thị Thắm	Thành viên HĐQT	-	10.752.000	-	10.752.000
8	Chu Quý Dương	Trưởng Ban kiểm soát	-	13.440.000	-	13.440.000
9	Lê Ngọc Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	23.053.077	18.816.000	-	41.869.077
10	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên BKS	-	15.052.800	-	15.052.800
11	Đình Thị Hà	Thành viên BKS	-	10.752.000	-	10.752.000
12	Ngô Văn Quang	Thành viên BKS	202.080.728	25.804.800	-	227.885.528
13	Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng	254.520.004	-	-	254.520.004
	Tổng cộng		792.668.809	232.243.200	-	1.030.037.009

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2022			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Mai Thế Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	19.353.600	-	
2	Ngô Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	120.932.052	32.256.000	-	153.188.052
3	Trần Mạnh Hùng	P. Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	203.863.643	32.256.000	-	236.119.643
4	Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên HĐQT	-	12.902.400	-	12.902.400
5	Nguyễn Thị Thanh Vi	Thành viên HĐQT	-	12.902.400	-	12.902.400
6	Phạm Văn Thanh	Thành viên HĐQT	-	12.902.400	-	12.902.400
7	Trần Đức Thanh	Thành viên HĐQT	-	12.902.400	-	12.902.400
8	Nguyễn Kim Hùng	Thành viên HĐQT	-	12.902.400	-	12.902.400
9	Lê Ngọc Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	60.426.979	32.256.000	-	92.682.979
10	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên BKS	-	25.804.000	-	25.804.000
11	Ngô Văn Quang	Thành viên BKS	74.699.402	12.902.000	-	87.601.402
12	Từ Văn Nghĩa	Thành viên BKS	-	12.902.000	-	12.902.000
13	Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng	155.139.920	-	-	155.139.920
	Tổng cộng		615.061.996	232.241.600	-	827.949.996

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Các thành viên quản lý chủ chốt có phát sinh giao dịch trong năm*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Mai Thế Dũng	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Ông Mai Thế Dũng	Vay	392.000.000	-
Bà Lê Thảo Phương	Vay	-	393.000.000
	Trả gốc vay	393.000.000	-

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2013	01/01/2023
Ông Mai Thế Dũng	Vay ngắn hạn	392.000.000	-
Bà Lê Thảo Phương	Vay ngắn hạn	-	393.000.000

2. Báo cáo bộ phận*- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

	Gạch các loại	Cung cấp dịch vụ	Hàng hóa nông sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.109.223.692	867.332.001	31.812.435.130	-	46.788.990.823
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.109.223.692	867.332.001	31.812.435.130	-	46.788.990.823
Giá vốn bộ phận	12.558.917.560	106.678.478	31.704.580.865	-	44.370.176.903
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.550.306.132	760.653.523	107.854.265	-	2.418.813.920
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.685.601.745	1.391.489.317	4.497.335.080	-	13.574.426.142
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.685.601.745	1.391.489.317	4.497.335.080	-	13.574.426.142
Giá vốn bộ phận	7.260.051.731	884.541.344	4.486.257.900	-	12.630.850.975
Lợi nhuận gộp bộ phận	425.550.014	506.947.973	11.077.180	-	943.575.167

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là (28.073.011.420) đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 24.470.481.572 đồng. Ngoài ra, Công ty đang có tranh chấp với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về hợp đồng vay tài sản (chi tiết xem thuyết minh VIII.5). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, các cổ đông cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực thanh toán các khoản nợ đến hạn và phục hồi sản xuất. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 19/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã có thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự số 01/2024/TLST-KDTM về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank). Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Yêu cầu Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank toàn bộ nợ gốc và lãi theo các hợp đồng cho vay đã ký. Trong thời gian chưa thanh toán, Công ty vẫn phải chịu lãi suất quá hạn theo các hợp đồng cho vay đến khi thanh toán hết nợ.
- Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì VPBank được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo cho các khoản vay để thu hồi nợ theo quy định của các hợp đồng thế chấp và pháp luật.

Hiện nay, Công ty và Ngân hàng VPBank đang thực hiện hòa giải để khoan nợ, giãn nợ để đảm bảo việc thanh toán hết các khoản nợ theo quy định.

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bình Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Người lập biểu

LÊ THẢO PHƯƠNG

Kế toán trưởng



TRẦN MẠNH HÙNG

Giám đốc